

FIRESILICONE B1 FR

Phiên bản: 19.05.11 (26.07.2015)

Số trang: 03

Thông số kỹ thuật

Gốc sản phẩm	Polysiloxane
Dạng sản phẩm	Đẻo dính
Cơ chế lưu hóa/đóng rắn	Lưu hóa bằng hơi ẩm
Tốc độ tạo màng (ở 20°C/độ ẩm 65%)	Khoảng 20 phút
Tốc độ lưu hóa/đóng rắn	1mm/24h
Độ cứng	16 theo thang Shore A
Tỷ trọng	1,17 g/cm ³
Khả năng chịu nhiệt độ	-40 °C → 140 °C
Độ giãn dài tuyệt đối	900% (DIN 52455)
Modulus đàn hồi - 100%	0,20N/mm ² (DIN52455)
Khả năng phục hồi độ đàn hồi	>90% (DIN52455)
Khả năng biến dạng cao nhất cho phép	±25%

Mô tả sản phẩm

Firesilicone B1 FR is là keo trám khe chịu lửa chất lượng cao, đàn hồi, trung tính, một thành phần, phù hợp với tiêu chuẩn DIN4102 B1 - ngăn lửa và có độ chịu lửa lên đến 4 giờ dùng cho các khe chịu lửa (EN 1366 phần 4 – NN713.020 – BS 476/20).

Tính chất

- Dễ dàng thi công.
- Bền màu và chịu tia cực tím.
- Đàn hồi vĩnh viễn sau khi đóng rắn hoàn toàn.
- Bám dính rất tốt lên các bề mặt khác nhau
- Khả năng đàn hồi cao
- Phân loại theo DIN 4102-phần 2: Loại B1
- Chịu lửa đến 4 giờ với khi sử dụng với back-rod PE (xem bảng đính kèm)

Ứng dụng

- Trám khe xây dựng và khe kính thông thường cần độ chịu lửa.
- Trám khe chịu lửa cho các khe co giãn

Đóng gói

Màu sắc: Trắng và xám

Đóng gói: chai 310mL hoặc túi thiếc 600mL.

Thời gian bảo quản

9 tháng trong bao bì còn nguyên, bảo quản nơi thoáng mát và khô ráo, nhiệt độ 5-25°C. Chống sương giá.

Bề mặt thi công

Bề mặt: mọi bề mặt thông thường trong xây dựng, không dùng cho đá tự nhiên, bitum, kính, kính và nhựa.

Yêu cầu: sạch, khô, không có bụi bẩn và dầu mỡ

Chuẩn bị bề mặt: bề mặt có độ xốp lớn phải được xử lý trước bằng Primer 150, sản phẩm hoạt tính bề mặt của Soudal giúp cải thiện khả năng bám dính trên các bề mặt nhẵn nhụi.

Nên kiểm tra tính bám dính của keo lên các loại bề mặt trước khi thi công.

Kích thước khe

Chiều rộng khe tối thiểu: 5mm

Chiều rộng khe tối đa: 30mm

Thiết kế khe: chiều rộng bằng 2 lần độ sâu

Phương pháp thi công

Thi công: bằng súng bơm keo

Vật liệu đỡ keo: thanh back-rod gốc PE có kích thước phù hợp với kích thước khe

Nhiệt độ thi công: 1 - 30°C

Vệ sinh: Rượu trắng, cồn.

Hoàn thiện: làm mặt bằng nước xà phòng

Xử lý chỗ bị hỏng: bằng cùng loại keo Firesilicone B1 FR

Hướng dẫn an toàn sức khỏe

Tuân thủ quy trình vệ sinh và an toàn lao động.

Đọc kỹ thông tin trên bao bì sản phẩm.

Ghi chú: Các hướng dẫn trong tài liệu là kết quả của những thí nghiệm và kinh nghiệm của nhà sản xuất, được trình bày một cách trung thực nhất. Vì sự đa dạng của vật liệu, bề mặt và phương pháp thi công, nhà sản xuất không chịu trách nhiệm đối với kết quả thi công của khách hàng. Chúng tôi khuyến cáo người sử dụng nên tiến hành các thử nghiệm cần thiết trước khi sử dụng sản phẩm.

FIRESILICONE B1 FR

Phiên bản: 19.05.11 (26.07.2015)

Số trang: 03

Chứng chỉ chịu lửa hiện có

Báo cáo kết quả thử nghiệm số 13492B Warringtongent
NBN 713.020 – EN 1366-4, Belgium, UK, Ireland, PortugalFrance PV de classement n°09-A-276
Netherlands 2009 efectisR0703/LZS/TNL
Spain Afiti N°1882T09
Poland ITB NP 02491.1
Poland ITB NP 02491.2

Báo cáo kết quả thử nghiệm số 13492

Chiều dày tường	Chiều rộng khe	Độ sâu khe	Phương pháp chèn khe	Độ chịu lửa
200mm (tường bê tông)	10mm	10mm	Một mặt	Rating EI 240

TI = Hệ số cách nhiệt, chỉ khoảng thời gian mà nhiệt độ ở mặt trong tường không vượt quá 180°C

FR = Khả năng chịu lửa, chỉ thời gian mà lớp keo chèn khe có thể ngăn chặn ngọn lửa không cho thâm nhập qua tường.

Độ chịu lửa: Theo tiêu chuẩn châu Âu RG N170 REV.1

A/ Khe trên tường cứng

1. Hệ thống Firecryl FR và Soudafoam FR:

Chiều dày tường (mm)	Tỷ trọng (kg/m ³)	Phương của khe	Đối xứng/ bất đối xứng	Thành phần (cấu tạo) của hệ thống vật liệu chèn khe	Phân loại
115	600	Ngang	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn 20mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 120 – T – X – F – W 0 to 20
115	600	Ngang	Đối xứng	Khe được chèn 2 mặt với 3mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 120 – T – X – F – W 0 to 50
115	600	Đứng	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn 25mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 120 – V – X – F – W 0 to 30
115	600	Đứng	Đối xứng	Khe được chèn 2 mặt với 3mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 120 – V – X – F – W 0 to 40
115	600	Đứng	Đối xứng	Khe được chèn 2 mặt với 3mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 60 – V – X – F – W 00 to 50
200	550	Đứng	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn 25mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 240 – V – X – W 00 to 25
200	550	Ngang	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn 15mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 240 – V – X – W 00 to 15

Ghi chú: Các hướng dẫn trong tài liệu là kết quả của những thí nghiệm và kinh nghiệm của nhà sản xuất, được trình bày một cách trung thực nhất. Vì sự đa dạng của vật liệu, bề mặt và phương pháp thi công, nhà sản xuất không chịu trách nhiệm đối với kết quả thi công của khách hàng. Chúng tôi khuyến cáo người sử dụng nên tiến hành các thử nghiệm cần thiết trước khi sử dụng sản phẩm.

FIRESILICONE B1 FR

Phiên bản: 19.05.11 (26.07.2015)

Số trang: 03

2. Hệ thống Firecryl FR và backer-rod PE hoặc PU

Chiều dày tường (mm)	Tỷ trọng (kg/m ³)	Phương của khe	Đối xứng/ bất đối xứng	Thành phần (cấu tạo) của hệ thống vật liệu chèn khe	Phân loại
200	550	Đứng	Đối xứng	Khe được chèn hai mặt với 20mm Firecryl FR và đỡ bằng back-rod PU	EI 240-V-X-W 00 to 20
100	550	Đứng	Đối xứng	Khe được chèn hai mặt với 20mm Firecryl FR và đỡ bằng back-rod PU	EI 180-V-X-W 00 to 21 E240-V-X-W 00 to 21
100	550	Đứng	Đối xứng	Khe được chèn hai mặt với 10mm Firecryl FR và đỡ bằng back-rod PU	EI 180-V-X-W 00 to 11 E240-V-X-W 00 to 11
115	600	Đứng	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn với 20mm Firecryl FR và đỡ bằng back-rod gốc PU	EI 60-V-X-F - W 00 to 20 E 90-V-X-F - W 00 to 20
200	550	Đứng	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn với 15mm Firecryl FR và đỡ bằng back-rod gốc PE	EI 240-V-X-W 00 to 15

B/ Khe trên sàn

1. Hệ thống Firecryl FR và Soudafoam FR:

Chiều dày tường (mm)	Tỷ trọng (kg/m ³)	Phương của khe	Đối xứng/ bất đối xứng	Thành phần (cấu tạo) của hệ thống vật liệu chèn khe	Phân loại
115	600	Ngang	Đối xứng	Khe được chèn 2 mặt với 3mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 120-H-X-F W 00 to 50
115	600	Ngang	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn 25mm Firecryl FR, phần còn lại bơm bọt Soudafoam FR	EI 120-H-X-F W 00 to 30

2. Hệ thống Firecryl FR và backer-rod PE hoặc PU

Chiều dày tường (mm)	Tỷ trọng (kg/m ³)	Phương của khe	Đối xứng/ bất đối xứng	Thành phần (cấu tạo) của hệ thống vật liệu chèn khe	Phân loại
150	600	Ngang	Bất đối xứng	Mặt trong của khe được chèn với 20mm Firecryl FR và đỡ bằng back-rod gốc PU	EI 120-H-X-F W 00 to 20

Ghi chú: Các hướng dẫn trong tài liệu là kết quả của những thí nghiệm và kinh nghiệm của nhà sản xuất, được trình bày một cách trung thực nhất. Vì sự đa dạng của vật liệu, bề mặt và phương pháp thi công, nhà sản xuất không chịu trách nhiệm đối với kết quả thi công của khách hàng. Chúng tôi khuyến cáo người sử dụng nên tiến hành các thử nghiệm cần thiết trước khi sử dụng sản phẩm.